

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Quy định Chính sách hỗ trợ Phát triển rừng trồng sản xuất kinh doanh cây gỗ lớn, kết hợp phát triển kinh tế dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND...; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ Phát triển rừng trồng cây gỗ lớn, kết hợp phát triển kinh tế dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với hoạt động: trồng mới và trồng lại rừng sản xuất kinh doanh gỗ lớn; chuyển hoá rừng trồng sản xuất kinh doanh gỗ nhỏ sang rừng trồng sản xuất kinh doanh gỗ lớn; trồng cây dược liệu dưới tán rừng trồng sản xuất kinh doanh gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức (trừ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), hộ gia đình và cá nhân trong nước thực hiện trồng rừng sản xuất kinh doanh gỗ lớn, chuyển hoá rừng trồng sản xuất kinh doanh gỗ nhỏ sang rừng trồng sản xuất kinh doanh gỗ lớn, kết

hợp trồng cây dược liệu dưới tán rừng trồng sản xuất kinh doanh gỗ lớn trên diện tích thuộc quy hoạch đất rừng sản xuất theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức thực hiện và thụ hưởng các chính sách quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ trồng rừng sản xuất kinh doanh gỗ lớn

a) Đối tượng hỗ trợ

Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân thực hiện trồng mới hoặc trồng lại rừng sản xuất kinh doanh gỗ lớn trên địa bàn tỉnh.

b) Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí trồng rừng sản xuất kinh doanh gỗ lớn với mức 21.000.000 đồng/ha/chu kỳ.

- Hỗ trợ chi phí cho công tác khuyến lâm với mức 500.000 đồng/ha.

- Hỗ trợ một lần chi phí khảo sát, thiết kế với mức 500.000 đồng/ha.

- Hỗ trợ chi phí quản lý dự án, kiểm tra, nghiệm thu theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

c) Điều kiện hỗ trợ

- Có quyền sử dụng đất hợp pháp để trồng rừng theo quy định của pháp luật về đất đai; trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải thuộc diện sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp theo quy định của pháp luật.

- Diện tích đề nghị hỗ trợ thuộc quy hoạch rừng sản xuất. Quy mô diện tích đề nghị hỗ trợ tối thiểu 03 ha đối với hộ gia đình, cá nhân và 10 ha đối với tổ chức.

- Diện tích đề nghị hỗ trợ chưa được hưởng chính sách từ ngân sách Nhà nước và có cùng nội dung hỗ trợ và không sử dụng vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước để thực hiện.

- Sử dụng loài cây trồng thuộc Danh mục cây trồng quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

- Cây giống sử dụng để trồng rừng đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng và có hồ sơ nguồn gốc theo quy định của pháp luật về giống cây trồng lâm nghiệp.

d) Phương thức hỗ trợ

Thực hiện theo hình thức hỗ trợ đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Hỗ trợ phát triển cây dược liệu dưới tán rừng sản xuất kinh doanh gỗ lớn

a) Đối tượng hỗ trợ

Hộ gia đình, cá nhân đã được hỗ trợ trồng rừng sản xuất kinh doanh gỗ lớn theo quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện trồng cây dược liệu dưới tán rừng.

b) Mức hỗ trợ

Hỗ trợ chi phí một lần với mức 10.000.000 đồng/ha rừng trồng gỗ lớn để mua giống cây được liệu.

c) Điều kiện hỗ trợ

- Thực hiện trồng các loài cây được liệu thuộc danh mục cây được liệu có giá trị y tế và kinh tế cao do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hoặc các cây được liệu khác có giá trị y tế và kinh tế cao ở địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

- Diện tích trồng cây được liệu dưới tán rừng đạt tối thiểu từ 0,3 ha trở lên trên mỗi 01ha rừng trồng sản xuất kinh doanh gỗ lớn được hỗ trợ.

- Việc trồng cây được liệu không làm ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển rừng gỗ lớn và phải phù hợp với thiết kế trồng rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Phương thức hỗ trợ

Thực hiện theo hình thức hỗ trợ đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3. Hỗ trợ chuyển hóa rừng trồng sản xuất kinh doanh gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn

a) Đối tượng hỗ trợ

Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đang quản lý rừng trồng sản xuất bằng cây Keo lai, Keo lá tràm, Keo tai tượng, Keo lười liềm, Bạch đàn lai hoặc Bạch đàn urô từ 04 năm tuổi đến 08 năm tuổi, có nhu cầu chuyển hóa sang kinh doanh gỗ lớn.

b) Mức hỗ trợ

Hỗ trợ chi phí chuyển hóa rừng trồng sản xuất kinh doanh gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn một lần với mức 6.000.000 đồng/ha.

c) Điều kiện hỗ trợ

- Có quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Diện tích rừng trồng sản xuất đạt tiêu chí thành rừng theo quy định của pháp luật Lâm nghiệp.

- Quy mô diện tích đề nghị hỗ trợ tối thiểu là 03 ha đối với hộ gia đình, cá nhân và 10 ha đối với tổ chức.

- Diện tích đề nghị hỗ trợ chưa được hưởng chính sách từ ngân sách Nhà nước.

- Sau chuyển hóa, đến năm thứ 10 của chu kỳ kinh doanh, rừng phải bảo đảm tối thiểu 70% số cây đứng trên một đơn vị diện tích có đường kính tại vị trí 1,3 m từ 20 cm trở lên.

d) Phương thức hỗ trợ

Thực hiện theo hình thức hỗ trợ đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thực hiện hỗ trợ

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ; lập thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán; tổ chức thực hiện, quản lý, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư trong lâm nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ban Quản lý rừng phòng hộ Gia Lai và Công ty TNHH lâm nghiệp Gia Lai do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc UBND tỉnh Gia Lai lập và là chủ đầu tư dự án hỗ trợ đầu tư trên diện tích được giao quản lý; tổ chức lập hồ sơ, quản lý, triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật

3. Ủy ban nhân dân cấp xã lập và là chủ đầu tư dự án hỗ trợ đầu tư đối với hộ gia đình, cá nhân và tổ chức (trừ đối tượng quy định tại khoản 2, điều này) trên địa bàn; tổ chức lập hồ sơ, quản lý, triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

4. Việc hỗ trợ đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư chỉ được thực hiện sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Nghị quyết này và quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của chủ rừng khi được hỗ trợ

1. Quyền của chủ rừng

a) Được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định.

b) Được sở hữu toàn bộ giá trị sản phẩm từ rừng trồng, cây dược liệu dưới tán rừng và các lợi ích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

c) Được hướng dẫn, hỗ trợ về kỹ thuật, kiểm tra và giám sát trong quá trình thực hiện dự án.

d) Được hưởng các chính sách khác của Nhà nước về lâm nghiệp nếu đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của chủ rừng

a) Thực hiện đầy đủ nội dung của dự án, hồ sơ thiết kế trồng rừng hoặc hồ sơ thiết kế chuyển hóa rừng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng kinh phí được hỗ trợ.

c) Thực hiện đầy đủ các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, quản lý, bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng và phòng, chống sinh vật gây hại theo quy định của pháp luật.

d) Tạo điều kiện để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, giám sát, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án; cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu khi được yêu cầu.

đ) Phải bỏ vốn trồng lại hoặc hoàn trả cho ngân sách nhà nước số tiền đã nhận hỗ trợ cộng với lãi suất thương mại tại thời điểm thu hồi nếu khai thác trước thời gian quy định hoặc rừng trồng không đạt tiêu chí rừng trồng theo quy định.

e) Trường hợp rừng không đạt tiêu chí rừng trồng hoặc mất rừng do nguyên nhân bất khả kháng theo quy định pháp luật thì chủ rừng không phải hoàn trả số tiền đã nhận hỗ trợ.

Điều 6. Nguồn vốn thực hiện

1. Nguồn vốn thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này được bảo đảm từ ngân sách tỉnh theo phân cấp ngân sách nhà nước và được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư công hằng năm theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài nguồn vốn quy định tại khoản 1 Điều này, khuyến khích sử dụng nguồn vốn trồng rừng thay thế, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các hoạt động phát triển rừng trồng gỗ lớn và phát triển kinh tế dưới tán rừng theo quy định của pháp luật.

3. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Trường hợp văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứthông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ (b/cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ NN và MT;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB & TCTHPL);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành liên quan;
- VP Tỉnh ủy, VP ĐBQH&HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh;
- TT PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp (...).

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

Phụ lục**DANH MỤC LOÀI CÂY TRỒNG RỪNG GỖ LỚN**

(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

TT	Loài cây	Tên Khoa học
1	Đàn hương	<i>Santalum album</i>
2	Giổi xanh	<i>Michelia mediocris</i>
3	Lim xanh	<i>Erythrofloeum fordii</i>
4	Sao đen	<i>Hopea odorata</i>
5	Xoan ta	<i>Mella azedarach</i>
6	Dó bầu	<i>Aquilaria crassna</i>
7	Dẻ trắng	<i>Lithocarpus dealbatus</i>
8	Thông caribe	<i>Pinus caribaea</i>
9	Thông nhựa	<i>Pinus merkusii</i>
10	Thông 3 lá	<i>Pinus kesiya</i>
11	Mắc ca	<i>Macadamia</i>
12	Chò nâu	<i>Diptercarpus retusus</i>
13	Dầu rái	<i>Dipterocarpus alatus</i>
14	Sao xanh	<i>Hopea helferi (Dyer) Brandis</i>
15	Muồng đen	<i>Cassia siamea Lam</i>
16	Lõi thọ	<i>Gmelina arborea Roxb</i>
17	Huỳnh đàn	<i>Dalbergia tonkinensis Prain</i>
18	Giổi ăn hạt	<i>Michelia tonkinensis</i>
19	Cầm lai	<i>Dalbergia bariensis Pierre</i>
20	Tếch	<i>Tectona grandis</i>
21	Giáng hương	<i>Pterocarpus macrocarpus</i>
22	Trắc	<i>Dalbergia cochinchinensis</i>
23	Cà te (Gỗ đỏ)	<i>Afzelia xylocarpa</i>
24	Xà cừ	<i>Khaya senegalensis</i>